TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T - TỈNH V**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2022/DS-ST
Ngày: 13/7/2022
V/v "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH V

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Bảo Trân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Triệu.

Bà Sơn Ngọc Ngoan.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Phước Hậu, Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh V tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Hân, Kiểm sát viên

Ngày 13 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh V mở phiên tòa xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 152/2022/TLST-DS ngày 01 tháng 3 năm 2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2022/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 6 năm 2022 giữa:

- *Nguyên đơn*: Bà Huỳnh Thị Sa Oanh N, sinh năm 1988 (có mặt).

Địa chỉ: ấp P, xã L, huyện T, tỉnh V.

- *Bị đơn:* Ông Thạch Ngọc D, sinh năm 1979 (vắng mặt).

Bà Kim Thị Sô K, sinh năm 1985 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp P, xã L, huyện T, tỉnh V.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 25/02/2022, đơn xin rút một phần đơn khởi kiện ngày 18/4/2022 và trong quá trình giải quyết nguyên đơn bà Huỳnh Thị Sa Oanh N có ý kiến trình bày và yêu cầu: Ngày 10/12/2020 vợ chồng ông Thạch Ngọc D và bà Kim Thị Sô K đến nhà bà N hỏi vay số tiền 190.000.000đ, đến ngày 27/12/2020 vợ chồng ông D, bà K tiếp tục hỏi vay số tiền 60.000.000đ. Hai bên thỏa thuận thời gian vay 03 tháng và lãi suất 1.000.000đ bằng 50.000đ/tháng, vợ chồng ông D vay để làm ăn, làm nhà, việc vay tiền có làm biên nhận và ông D và K có ký tên. Để làm tin cho việc vay tiền ông D, bà K đưa cho bà N giữ 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản

gắn liền với đất tại thửa 983, tờ bản đồ số 51, loại đất chuyên trồng lúa nước, tọa lạc ấp Đ, xã H, huyện T, tỉnh V do ông Thạch Ngọc D đứng tên.

Ngoài ra vợ chồng ông Dinh, bà Kha còn vay tiền của bà N nhiều lần, tổng 186.150.000đ nhưng không có làm biên nhận. Đối với số tiền 186.150.000đ do không có làm biên nhận, nên bà N rút yêu cầu.

Nay bà Huỳnh Thị Sa Oanh N yêu cầu ông Thạch Ngọc D và bà Kim Thị Sô K phải trả số tiền vay 250.000.000đ và tiền lãi tính từ ngày 27/01/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Sau khi thụ lý, Tòa án nhân dân huyện T đã thực hiện việc tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và đối chất để các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án. Tuy nhiên tại các phiên họp, hòa giải, đối chất nguyên đơn bà Huỳnh Thị Sa Oanh N có mặt, bị đơn ông Thạch Ngọc D và bà Kim Thị Sô K vắng mặt, nên không thể tiến hành việc kiểm tra chứng cứ, hòa giải được, do đó Tòa án nhân dân huyện Châu Thành lập biên bản không tiến hành hòa giải được và đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn trình bày thêm khoảng tháng 8/2021 thì bị đơn có đóng lãi 01 lần được 12.500.000đ rồi ngưng cho đến nay, nay yêu cầu bị đơn trả số tiền vay 250.000.000đ và tiền lãi từ ngày 27/01/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm theo quy định pháp luật, đồng ý khấu trừ lại tiền lãi đã đóng là 12.500.000đ. Và xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 186.150.000đ; Bị đơn vắng mặt lần hai không có lý do.

* Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh V kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự tại phiên tòa:

Việc thuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án như: thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp và tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng. Trình tự thu thập chứng cứ, tiến hành kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai, chứng cứ và hòa giải đúng quy định, thời hạn chuẩn bị xét xử và đưa vụ án ra xét xử đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự, vắng mặt không lý do.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Sa Oanh N. Buộc ông Thạch Ngọc D và bà Kim Thị Sô K có trách nhiệm liên đới trả cho bà N số tiền 250.000.000đ và lãi suất phát theo quy định. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà N đối với số tiền vay 186.150.000đ. Án phí dân sự sơ thẩm bị đơn phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền: Bà Huỳnh Thị Sa Oanh N yêu cầu ông Thạch Ngọc D và bà Kim Thị Sô K trả số tiền vay 250.000.000đ, tiền lãi tính từ ngày 27/01/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm theo quy định. Đây là vụ án "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", bị đơn ông D, bà K có nơi cư trú ấp P, xã L, huyện T, tỉnh V. Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh V.

[2] Về thủ tục tố tụng: Căn cứ đơn khởi kiện, Tòa án nhân dân huyện T đã đưa bị đơn ông Thạch Ngọc D và bà Kim Thị Sô K tham gia tố tụng, đã được Tòa án tống đạt thông báo thụ lý vụ án, triệu tập đến ghi bản tự khai, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vụ án theo đúng quy định tại Điều 68, 70, 177, 196, 205, 208, 209, 210 và Điều 211 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại các phiên họp, hòa giải nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt, nên không thể tiến hành lấy lời khai cũng như việc kiểm tra chứng cứ, hòa giải được. Ông D, bà K không có ý kiến hoặc văn bản gởi đến Tòa án về số tiền vay mà nguyên đơn khởi kiện, nên ông D, bà K phải chịu mọi hậu quả pháp lý về việc không giao nộp đầy đủ chứng cứ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa nguyên đơn có mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do, do đó căn cứ khoản 1, 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về nội dung:

[3.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Huỳnh Thị Sa Oanh N yêu cầu ông Thạch Ngọc D và bà Kim Thị Sô K trả số tiền vay 250.000.000đ, tiền lãi từ ngày 27/01/2021 đến ngày đến ngày xét xử sơ thẩm theo quy định. Nhận thấy, mặc dù trong quá trình giải quyết vụ án vợ chồng ông D, bà K đều vắng mặt tuy nhiên căn cứ vào chứng cứ và tài liệu có trong hồ sơ vụ án nhận thấy thực tế ông D, bà K có vay của bà Oanh N 02 lần tổng với số tiền 250.000.000đ là sự thật được thể hiện tại biên nhận ngày 27/12/2020 và tại lời khai của ông Kim U là cha ruột bà Kim Thị Sô Kh mà Tòa án đi xác minh, qua đó ông U xác nhận ông D, bà K có vay tiền của bà N, có nói cho gia đình biết việc nợ tiền nhưng nợ số tiền bao nhiêu thì ông không biết, vì thiếu tiền N nên vợ chồng D, K lên Đồng Nai làm thuê có tiền trả cho N. Do đó, căn cứ Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Sa Oanh N đối với việc yêu cầu ông Thạch Ngọc D và bà Kim Thị Sô K có trách nhiệm trả số tiền 250.000.000đ.

[3.2] Ngày 18/4/2022 bà Oanh N có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu ông D và bà K trả số tiền vay 186.150.000đ. Việc rút đơn này là tự nguyện, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.3] Về lãi suất, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền vay 250.000.000đ tiền lãi từ ngày 27/01/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm theo quy định. Do các bên không thống nhất được mức lãi suất cho vay nên mức lãi suất cho vay được thực hiện theo quy định tại

khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự là 10%/năm. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận tính lãi với mức lãi suất 10%/năm/250.000.000đ từ ngày 27/01/2021 đến ngày 13/7/2022 (17 tháng 16 ngày) là 36.381.000đ.

Bà N thừa nhận ông D và bà K đóng lãi được 12.500.000đ và đồng ý khấu trừ vào lãi, nên lãi suất được tính là 36.381.000đ – 12.500.000đ = 23.881.000đ.

[4] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[5] Quan điểm của Kiểm sát viên có căn cứ và phù hợp với quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 357, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Sa Oanh N.

Buộc ông Thạch Ngọc D và bà Kim Thị Sô K có trách nhiệm liên đới trả cho bà Huỳnh Thị Sa Oanh N số tiền gốc là 250.000.000đ (Hai trăm năm mươi triệu đồng) và tiền lãi là 23.881.000đ (Hai mươi ba triệu, tám trăm tám mươi mốt ngàn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Sa Oanh N đối với số tiền 186.150.000đ.

Về án phí: Buộc ông Thạch Ngọc D và bà Kim Thị Sô K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 13.694.050đ. Bà Huỳnh Thị Sa Oanh N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho bà N số tiền đã nộp tạm ứng án phí là 10.723.000đ theo biên lai thu số 0008787 ngày 28/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh V, bà N liên hệ Chi cục Thi hành án dân sự huyện T để nhận.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng

chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm báo cho nguyên đơn có mặt biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã, phường nơi cư trú.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh V;
- VKSND huyện T;
- CC THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(ĐÃ KÝ)

Trần Bảo Trân